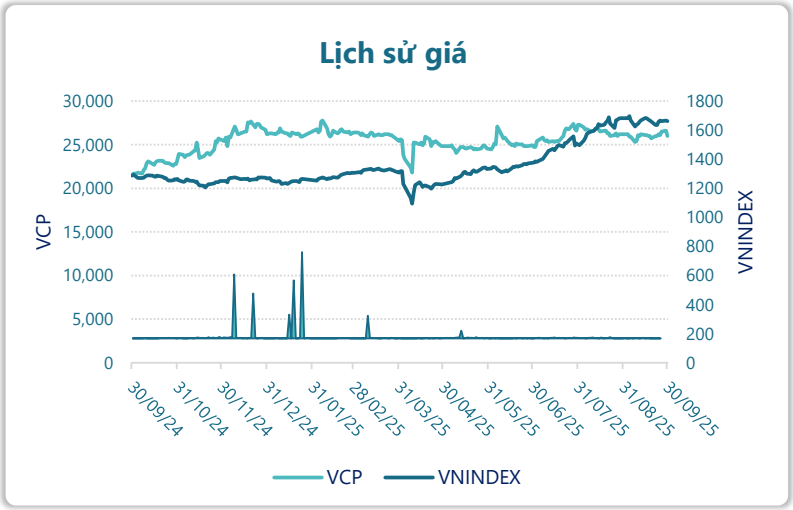
FireAnt

CTCP Xây dựng và Năng lượng VCP (UPCOM: VCP)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**26,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	27,764
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	21,507
SL cổ phiếu LH	83,789,658
KLGD BQ 20 phiên (CP)	32,060
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,179
P/E	5.2
EPS	5,004

DT thuần

Q3/25

629

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 93.0| 17.4%

YoY: ▲ 147| 30.5%

LN sau thuế

Q3/25

132

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 21.0| 18.7%

YoY: ▲ 12.0| 9.8%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

34.5%

+/- YoY: ▲ 1.5%

DT thuần

9T 2025

1,604

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 401| 33.4%

LN sau thuế

9T 2025

325

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 106| 48.6%

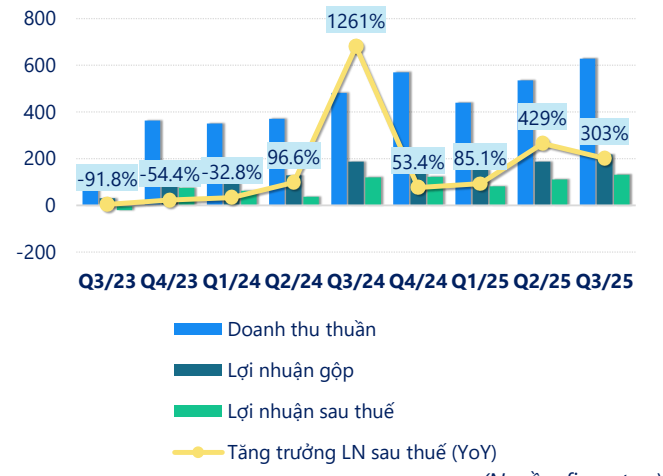
ROE

Q3/25

20.1%

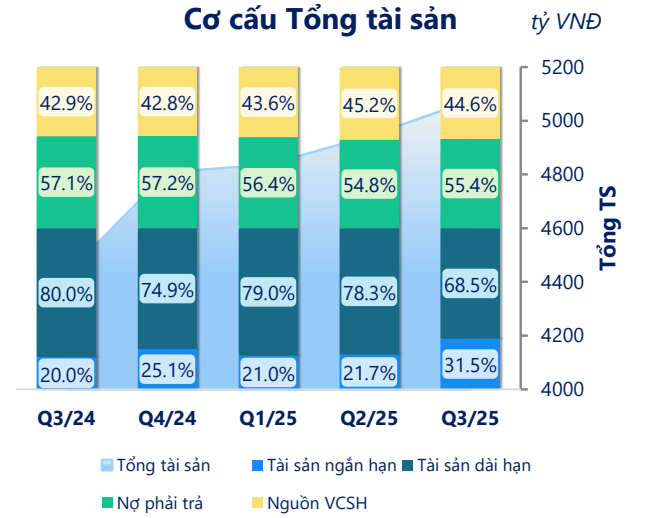
+/- YoY: ▲ 5.3%

Kết quả kinh doanh



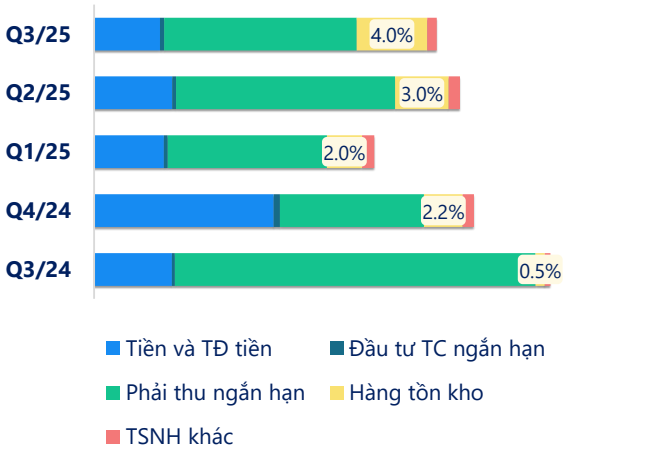
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



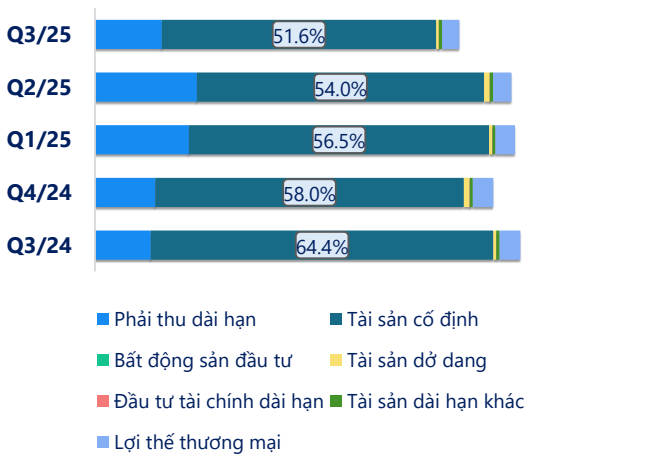
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



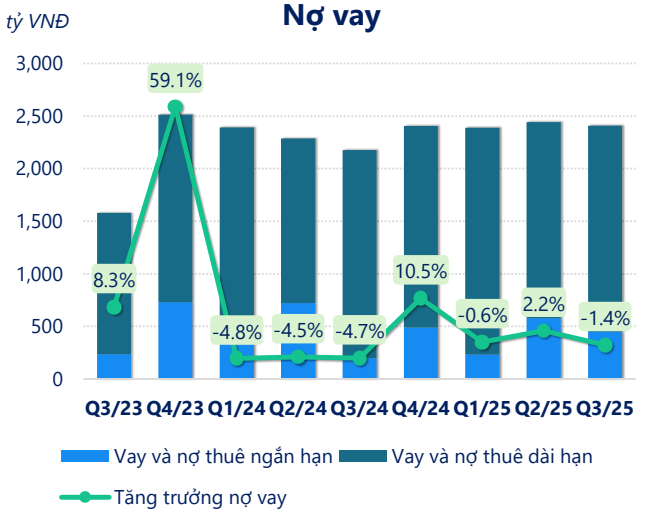
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



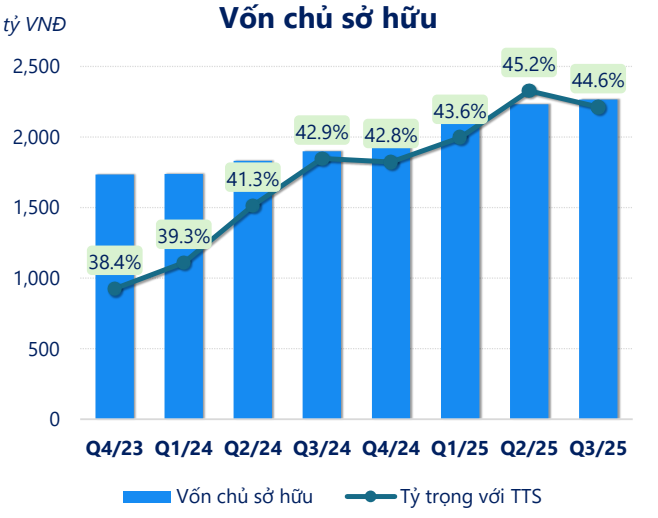
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



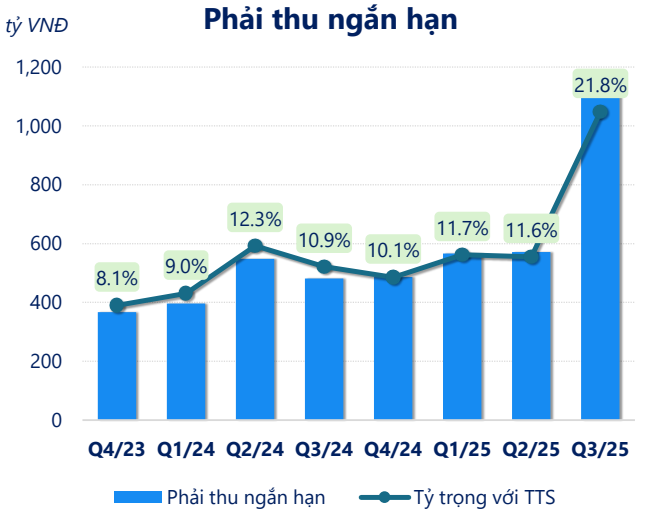
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



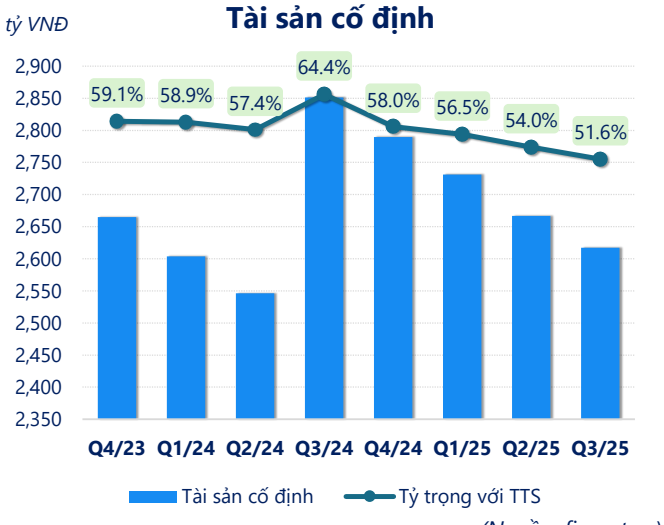
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



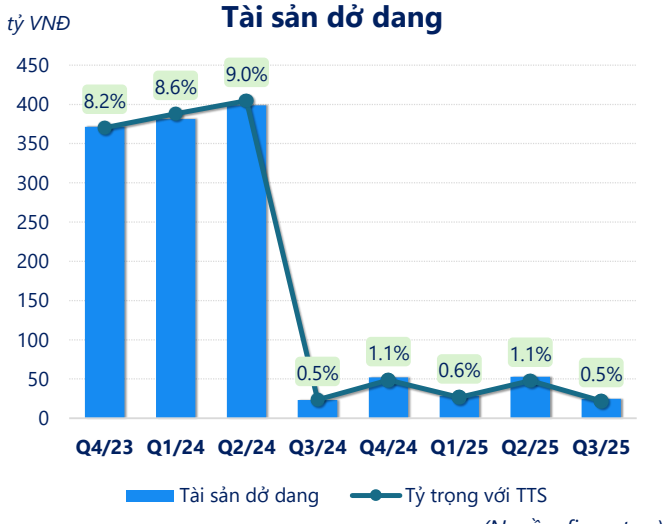
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



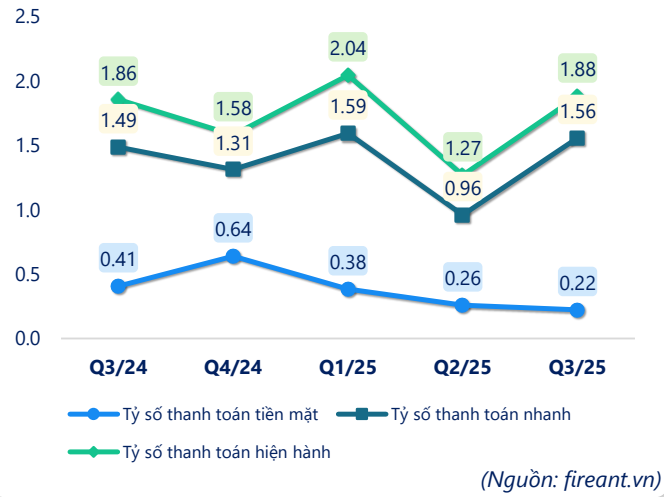
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



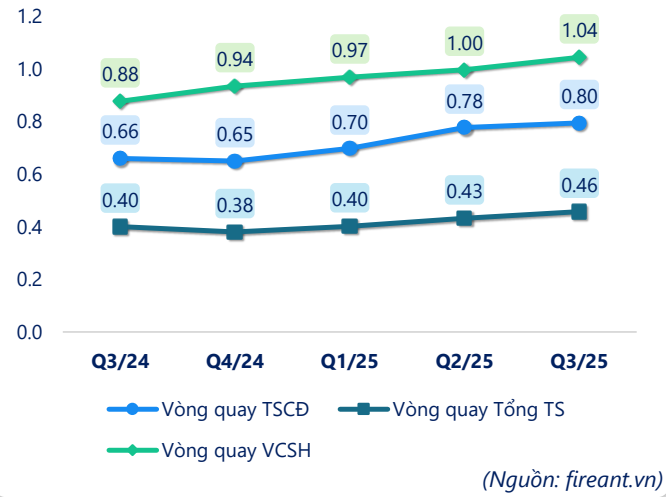
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**4,427**	**4,808**	**4,837**	**4,942**	**5,075**
Tài sản ngắn hạn	**885**	**1,205**	**1,015**	**1,070**	**1,597**
Tiền và tương đương tiền	194	487	190	218	189
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.0	10.7	17.9	10.7	18.0
Phải thu ngắn hạn	481	486	566	572	1,108
Hàng tồn kho	176	204	224	260	273
Tài sản ngắn hạn khác	23.8	17.0	17.0	9.75	8.63
Tài sản dài hạn	**3,542**	**3,603**	**3,821**	**3,872**	**3,479**
Phải thu dài hạn	465	545	854	949	639
Tài sản cố định	2,851	2,790	2,731	2,667	2,617
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	23.1	52.1	28.6	52.6	24.9
Đầu tư tài chính dài hạn	0.56	1.57	1.56	1.57	1.56
Tài sản dài hạn khác	27.7	27.6	26.8	30.2	29.9
Lợi thế thương mại	174	187	179	172	166
Nợ phải trả	**2,529**	**2,752**	**2,729**	**2,710**	**2,811**
Nợ ngắn hạn	**477**	**763**	**497**	**844**	**850**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	199	490	231	578	448
Phải trả người bán ngắn hạn	123	108	61.7	92.4	85.7
Nợ dài hạn	2,052	1,989	2,232	1,865	1,961
Vay và nợ thuê dài hạn	1,978	1,915	2,158	1,865	1,961
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,898**	**2,056**	**2,108**	**2,232**	**2,265**
Vốn chủ sở hữu	**1,898**	**2,056**	**2,108**	**2,232**	**2,265**
Vốn điều lệ	838	838	838	838	838
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)